

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

LÊ THỊ HƯƠNG  
Trường THCS Duy Tân, Vũng Tàu

**Tóm tắt:** Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh ở các trường trung học cơ sở (THCS) thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Số lượng khách thể tham gia khảo sát là 52 cán bộ quản lý (CBQL), 146 giáo viên (GV) và 280 học sinh (HS) tại 8 trường THCS. Kết quả khảo sát cho thấy CBQL, GV và HS nhận thức tương đối đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động này. Các nhà trường đã chú trọng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như: Các nội dung chưa được chú trọng đồng đều; phương pháp, hình thức tổ chức chưa thật sự phong phú. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng, bài viết cũng đã đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này.

**Từ khoá:** Hoạt động trải nghiệm, học sinh, trung học cơ sở, thành phố Vũng Tàu.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bản chất của quá trình giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu cho HS nhằm biến yêu cầu về việc thực hiện các chuẩn mực xã hội thành hành vi và thói quen phù hợp với chuẩn mực, giá trị sống hiện tại tại xã hội đặt ra; qua đó phát triển năng lực thực tiễn cho các em. Để đạt được mục tiêu đó, việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong quá trình dạy học là rất cần thiết. Theo “Chương trình phổ thông mới”, đây là hoạt động giáo dục được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12 [3, tr.8].

Hoạt động trải nghiệm là quá trình chủ thể quản lý (nhà giáo dục) tác động đến đối tượng quản lý (HS) thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm tạo điều kiện cho học sinh tham gia trực tiếp vào hoạt động và giao lưu, chiếm lĩnh tri thức, nhằm hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của con người trong xã hội hiện đại, đồng thời phát huy khả năng tạo ra cái mới có giá trị đối với cá nhân và xã hội [6, tr.75]. Bằng hoạt động trải nghiệm, HS được học qua thực tế cuộc sống, được thể hiện kiên thức, kĩ năng mình đã tích lũy được và tự mình thay đổi. Hoạt động trải nghiệm có tác dụng tạo môi trường thuận lợi để HS phổ thông nói chung và THCS nói riêng phát triển năng lực một cách tốt nhất, phát huy những tố chất và tài năng, khắc phục những điểm yếu còn tồn tại để phát triển và thích ứng trong môi trường xã hội luôn luôn biến đổi.

Thực tế cho thấy trong những năm qua, giáo dục phổ thông nói chung, giáo dục THCS nói riêng chủ yếu quan tâm đến hoạt động dạy học, ít quan tâm đến hoạt động giáo dục. Theo đó, hoạt động trải nghiệm của HS chưa được đầu tư cả về trí tuệ, thời gian và nguồn lực. Vì vậy, dẫn tới tình trạng HS học gạo, giỏi lý thuyết, hạn chế về kỹ năng thực hành, kỹ năng sống, năng lực thích ứng chưa cao.

Thành phố Vũng Tàu là một thành phố biển, đặc điểm dân cư có sự đa dạng về vùng miền và học sinh xuất thân từ nhiều hoàn cảnh khác nhau. Sự quan tâm của các trường về tổ chức hoạt động trải nghiệm của HS đóng trên địa bàn khác nhau cũng có những khác biệt. Với mục tiêu giáo dục của thành phố: Tăng cường công tác giáo dục đạo đức, nhân cách học sinh thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, lồng ghép các hoạt động giáo dục thông qua các môn học nhằm thực hiện hiệu quả việc phát triển phẩm chất và năng lực HS, hướng tới xây dựng “Đô thị loại 1- đô thị văn minh” theo Nghị quyết lần thứ VI của Đảng bộ thành phố [5, tr.72], việc nâng cao chất lượng hoạt động trải nghiệm cho HS có ý nghĩa quan trọng. Để có thể đề xuất được các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trải nghiệm của HS, việc nghiên cứu thực trạng hoạt động này là hết sức cần thiết.

Để tìm hiểu vấn đề nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi làm phương pháp chủ đạo. Bên cạnh đó, phương pháp phỏng vấn cũng được sử dụng để nhằm thu thập thêm các thông tin bổ sung cho phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Khách thể khảo sát là 52 CBQL, 146 GV và 280 HS tại 8 trường THCS: THCS Duy Tân, THCS Nguyễn An Ninh, THCS Võ Văn Kiệt, THCS Thắng Nhất, THCS Thắng Nhì, THCS Ngô Sỹ Liên, THCS Nguyễn Thái Bình, THCS Nguyễn Gia Thiệu. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 22.0.

## 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH THCS THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Theo quan niệm của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể mới, hoạt động trải nghiệm là một hợp phần quan trọng với tư cách như là một môn học, có nội dung chương trình cụ thể, phương pháp, đánh giá... được các nhà sư phạm thiết kế, nhằm mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách người học [2, tr.54]. Tổ chức hoạt động trải nghiệm của HS nói chung và HS THCS nói riêng là một quá trình lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp, các điều kiện cần thiết và lực lượng tham gia giáo dục phù hợp nhằm tác động có mục đích, có kế hoạch lên kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học, giúp các em hình thành những kỹ năng sống cần thiết, chuẩn bị những hành trang cơ bản để tham gia vào cuộc sống xã hội.

Trong nghiên cứu này, việc tổ chức hoạt động trải nghiệm của HS được làm rõ thông qua việc tìm hiểu thực trạng nhận thức của CBQL, GV và HS về vai trò của hoạt động trải nghiệm; nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm. Dưới đây là thực trạng tổ chức hoạt động này ở các trường THCS thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## 2.1. Thực trạng nhận thức về vai trò của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS

Nhận thức ảnh hưởng lớn đến thái độ, hành vi và hoạt động của con người. Tính tích cực của con người trong hoạt động thường xuất phát từ sự nhận thức đúng đắn. Vì lẽ đó, để lựa chọn được chương trình, nội dung hoạt động trải nghiệm của HS THCS phù hợp, tác giả đã tìm hiểu nhận thức của CBQL, GV và HS về ý nghĩa tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm của HS. Kết quả khảo sát thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Nhận thức của CBQL, GV và HS về ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm đối với học sinh THCS

STT	Hoạt động trải nghiệm giúp học sinh...	CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Cảm thấy thoải mái và thích thú hơn	4.28	0.72	4.04	0.93
2	Kích thích tính tò mò và hứng thú trong học tập	4.10	0.84	3.79	1.07
3	Làm tăng tính tự tin vào chính mình	4.02	0.88	3.81	1.09
4	Tăng năng lực tự chủ và khả năng lý luận	3.80	1.00	3.81	1.06
5	Có trách nhiệm với người khác, với cộng đồng và bản thân	3.94	0.95	3.90	1.08
6	Làm tăng mong muốn tham gia các hoạt động xã hội	3.97	1.04	3.67	1.09
7	Tích cực khi làm việc nhóm và với người lớn, mọi thành viên đều được coi trọng và tôn trọng như nhau	4.14	0.79	3.99	0.99

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn*

*Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Phần lớn không đồng ý; 3. Phân vân; 4. Phần lớn đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý.*

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy hầu hết CBQL, GV và HS đều nhận thấy được các ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm đối với HS. Điểm trung bình chung các ý kiến của CBQL và GV chủ yếu nằm trong khoảng “phần lớn đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”; còn phần đông học sinh lại ở mức tiệm cận với phương án trả lời “phần lớn đồng ý”. Đây là một điểm thuận lợi cho các trường trong tổ chức hoạt động trải nghiệm. Bởi vì có nhận thức đúng về ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm thì mới có những hình thức và phương pháp tổ chức phù hợp, đạt được mục tiêu của hoạt động trải nghiệm trong hệ thống các môn học của chương trình giáo dục phổ thông mới.

Trong các ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm cho HS, các đối tượng khảo sát đánh giá cao ý nghĩa hoạt động trải nghiệm giúp các em “*cảm thấy thoải mái và thích thú hơn*” và “*tích cực khi làm việc nhóm và với người lớn, mọi thành viên đều được coi trọng và tôn trọng như nhau*”. Tỷ lệ các CBQL và giáo viên phần lớn đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” lần lượt ở các nhận định là 89,4% và 85,8%.

Ngoài ra, khá nhiều CBQL, GV và HS cho rằng hoạt động trải nghiệm sẽ giúp HS “*kích thích tính tò mò và hứng thú trong học tập*” và “*làm tăng tính tự tin vào chính mình*”. Như

vậy, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm đối với HS đã được khẳng định và được phân lớn khách thể khảo sát nhận thức đúng đắn và tương đối toàn diện.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn không ít CBQL, GV và HS nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm. Điều này thể hiện thông qua tỉ lệ lựa chọn phương án “phân vân”, thậm chí “phần lớn không đồng ý” và “hoàn toàn không đồng ý” ở các nhận định khá cao, chẳng hạn ở các nhận định: “*Tăng năng lực tự chủ và khả năng lý luận*” (CBQL và GV: 21,7%, HS: 22.0%), “*có trách nhiệm với người khác, với cộng đồng và bản thân*” (CBQL và GV: 23,7%, HS: 32.9%).

Bên cạnh đó, dữ liệu ở Bảng 1 cũng cho thấy nhìn chung học sinh nhận thức về các ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm chưa đầy đủ so với CBQL và GV. Thực tiễn này đòi hỏi các trường cần thiết nâng cao nhận thức cho HS để giúp các em có hứng thú, chủ động và tích cực khi tham gia hoạt động giáo dục này.

Nhận thức của CBQL, GV về vai trò của hoạt động trải nghiệm còn thể hiện thông qua đánh giá sự cần thiết ở từng nội dung hoạt động trải nghiệm. Dữ liệu ở Bảng 2 cho thấy các nội dung đều được CBQL và GV đều đánh giá ở giữa mức “cần thiết” và “rất cần thiết”.

Bảng 2. *Thực trạng nhận thức của CBQL và GV về mức độ cần thiết của các nội dung hoạt động trải nghiệm đối với HS THCS*

STT	Nội dung	CBQL, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Chính trị- Xã hội: Các ngày lễ lớn; tình hình thời sự; các vấn đề xã hội: quyền trẻ em...	3.39	0.67
2	Khoa học- kỹ thuật: Thi chế tạo Robot, Robotacon, lập trình giả, nghiên cứu KH-KT, cải tiến hoặc chế tạo thiết bị quanh ta...	3.04	0.69
3	Văn hóa- nghệ thuật: Sinh hoạt văn nghệ; đọc sách- báo; tham quan danh lam- thắng cảnh; thi cắm hoa...	3.40	0.54
4	Vui chơi- giải trí: Hát, múa; dân vũ; đóng kịch; các trò chơi dân gian; trò chơi trí tuệ...	3.45	0.63
5	Thể dục- thể thao: Thể dục đầu giờ; thể dục nhịp điệu; hội khỏe phù đổng, điền kinh, cầu lạc bộ thể thao.	3.46	0.58
6	Lao động công ích: Lao động vệ sinh trường- lớp; chăm sóc cây xanh; vệ sinh công trình công cộng.	3.51	0.64
7	Định hướng nghề nghiệp: Làm quen ngành nghề truyền thống; tư vấn hướng nghiệp.	3.34	0.68

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn*

*Thang đánh giá: 1. Không cần thiết; 2. Ít cần thiết; 3. Khá cần thiết; 4. Rất cần thiết.*

Trong các nội dung khảo sát, những nội dung mà CBQL và GV đánh giá mức độ cần thiết cao hơn là: “*Lao động công ích: Lao động vệ sinh trường- lớp; chăm sóc cây xanh; vệ sinh công trình công cộng*”, “*Thể dục thể thao: Thể dục đầu giờ, thể dục nhịp điệu, Hội khỏe phù đổng, điền kinh, cầu lạc bộ thể thao*” và “*Vui chơi- giải trí: Hát, múa; dân vũ; đóng kịch; các trò chơi dân gian; trò chơi trí tuệ...*”. Hoạt động này đang được cả hệ thống chính trị, tổ chức xã hội của thành phố Vũng Tàu quan tâm nhằm xây

dựng thành phố du lịch “Xanh- sạch- đẹp và văn minh”. Chính vì vậy, nó được đánh giá cao hơn các nội dung khác.

Nội dung được đánh giá mức độ cần thiết thấp hơn là “*Khoa học- kỹ thuật: Thi chế tạo Robot, Robotacon, lập trình giả, nghiên cứu KH-KT, cải tiến hoặc chế tạo thiết bị quanh ta*”. Trong thực tế, nội dung này giúp HS trải nghiệm thực tiễn khá nhiều, vận dụng các tri thức đã học trong bối cảnh thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay; từ đó, các em có thể phát triển nhân cách vững chắc hơn, toàn diện hơn. Tuy nhiên, đây là một hoạt động khá mới trong những năm trở lại đây và nó có độ khó nhất định khi triển khai. Có thể vì vậy mà CBQL và GV chưa nhận thức một cách đầy đủ mức độ cần thiết của nội dung này.

Từ kết quả khảo sát trên, vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý giáo dục là phải có những biện pháp nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ GV, nhất là HS; tạo sự thống nhất trong nhận thức về ý nghĩa của hoạt động này góp phần thực hiện tốt mục tiêu: Phát triển toàn diện cả về năng lực và phẩm chất của người học.

## 2.2. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm của học sinh THCS

Dựa trên dự thảo Chương trình hoạt động trải nghiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), nghiên cứu đã đưa ra 7 nội dung [3, tr.68]. Kết quả thực hiện các nội dung này ở các trường THCS thành phố Vũng Tàu được trình bày ở Bảng 3.

*Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ thực hiện các nội dung của hoạt động trải nghiệm cho HS THCS*

STT	Nội dung	CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chính trị- Xã hội: Các ngày lễ lớn; Tình hình thời sự; các vấn đề xã hội: quyền trẻ em...	3.01	0.72	2.73	0.71
2	Khoa học- kỹ thuật: Thi chế tạo Robot, Robotacon, lập trình giả, Nghiên cứu KH-KT, cải tiến hoặc chế tạo thiết bị quanh ta...	2.44	0.66	2.00	0.83
3	Văn hóa- nghệ thuật: Sinh hoạt văn nghệ; Đọc sách- báo; Tham quan danh lam- thắng cảnh; Thi cắm hoa...	2.91	0.64	2.80	0.73
4	Vui chơi- giải trí: Hát, múa; dân vũ; đóng kịch; các trò chơi dân gian; trò chơi trí tuệ....	3.09	0.64	3.07	0.75
5	Thể dục- thể thao: Thể dục đầu giờ; thể dục nhịp điệu; Hội khoẻ phù đổng, Điền kinh, Câu lạc bộ thể thao	3.21	0.73	3.17	0.86
6	Lao động công ích: Lao động vệ sinh trường- lớp; Chăm sóc cây xanh; Vệ sinh công trình công cộng	3.13	0.83	3.22	0.70
7	Định hướng nghề nghiệp: Làm quen ngành nghề truyền thống; Tư vấn hướng nghiệp	2.85	0.83	2.18	0.80

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn*

*Thang đánh giá: 1. Không bao giờ; 2. Thỉnh thoảng; 3. Khá thường xuyên; 4. Rất thường xuyên.*

Dữ liệu ở Bảng 3 cho thấy các nội dung đều được các nhà trường tổ chức cho học sinh, trong đó, các nội dung được tổ chức nhiều là “*Thể dục- thể thao: Thể dục đầu giờ; thể dục nhịp điệu; hội khoẻ phù đồng, điền kinh, câu lạc bộ thể thao*”, “*Lao động công ích: Lao động vệ sinh trường- lớp; chăm sóc cây xanh; vệ sinh công trình công cộng*” và “*Vui chơi- giải trí: Hát, múa; dân vũ; đóng kịch; các trò chơi dân gian; trò chơi trí tuệ...*”. Các ý kiến đánh giá chủ yếu ở mức “thường xuyên” và “rất thường xuyên”. Đây là những nội dung có ý nghĩa thiết thực đáp ứng nhu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của các em cũng như thực hiện chủ trương của thành phố.

Tuy nhiên, một số nội dung mang tính thực tiễn cao như “*Khoa học- kỹ thuật: Thi chế tạo Robot, Robotacon, lập trình giả, nghiên cứu KH-KT, cải tiến hoặc chế tạo thiết bị quanh ta...*”, “*Định hướng nghề nghiệp: Làm quen ngành nghề truyền thống; Tư vấn hướng nghiệp*” lại không được tổ chức nhiều, phần lớn ở mức thỉnh thoảng. Kết quả phỏng vấn một số giáo viên cho thấy sở dĩ nội dung khoa học – kỹ thuật được tổ chức ít hơn vì các trường chủ yếu thực hiện nội dung này theo phát động phong trào của Sở Giáo dục và Đào tạo hàng năm. Còn hoạt động định hướng nghề nghiệp, nhiều GV cho rằng nó cần thiết và phù hợp với HS trung học phổ thông hơn. Thực tế, sự lựa chọn nghề nghiệp sẽ tốt hơn nếu học sinh có cơ hội trải nghiệm sớm từ cấp học THCS. Chính vì vậy, các nhà trường cần đẩy mạnh các nội dung này thông qua nhiều hình thức khác nhau; nâng cao năng lực nhận thức của GV về tầm quan trọng của nội dung này đối với sự phát triển kỹ năng cho HS; trang bị cho GV kỹ năng tổ chức hoạt động khoa học- kỹ thuật, hướng nghiệp.

Dữ liệu khảo sát cũng cho thấy, nhìn chung, CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện các nội dung hoạt động trải nghiệm cao hơn so với HS. Thực tế có không ít hoạt động nhà trường tổ chức cho HS, tuy nhiên HS lại không cảm nhận được. Chính vì vậy, các nhà trường cần thay đổi khâu tổ chức cũng như phương pháp và hình thức thực hiện để tác động sâu sắc đến HS.

### 2.3. Thực trạng phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học cơ sở

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về mức độ sử dụng các phương pháp để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS THCS

STT	Phương pháp	CBQL, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp giải quyết vấn đề	2.98	0.77
2	Phương pháp sắm vai	2.49	0.76
3	Phương pháp làm việc nhóm	3.31	0.62
4	Phương pháp trò chơi	3.31	0.59
5	Phương pháp theo dự án	2.08	0.74

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Thang đánh giá: 1. Không bao giờ; 2. Thỉnh thoảng; 3. Khá thường xuyên; 4. Rất thường xuyên.

Nhân cách của người học chỉ được hình thành thông qua hoạt động và bằng hoạt động của chính họ. Hoạt động trải nghiệm của HS nếu được tổ chức phong phú, đa dạng sẽ là môi trường, điều kiện thuận lợi giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực một cách tốt nhất. Thông qua môi trường hoạt động trải nghiệm học sinh được thể hiện kiến thức, kỹ năng, thái độ và quan điểm cá nhân của mình trước các vấn đề xã hội, từ đó tự hoàn thiện nhân cách. Có nhiều phương pháp tổ chức khác nhau, tùy theo đối tượng học sinh, nội dung hoạt động và điều kiện thực tế mà có thể dụng dụng phương pháp này hay phương pháp khác, tuy nhiên, cách thức tốt nhất là phối hợp, sử dụng linh hoạt các phương pháp. Kết quả khảo sát về mức độ sử dụng các phương pháp được thể hiện ở Bảng 4.

Dữ liệu ở Bảng 4 cho thấy các phương pháp đều được sử dụng trong nhà trường THCS với các mức độ khác nhau. Trong đó, phương pháp “trò chơi” và “làm việc nhóm” được sử dụng nhiều hơn cả. Đặc trưng của hai phương pháp này là tạo được sự kết nối giữa các HS trong lớp với nhau; giải quyết các vấn đề đặt ra dựa trên tinh thần hợp tác của các thành viên trong nhóm và đặc biệt tạo được không khí vui, thoải mái, do đó, việc học tập diễn ra nhẹ nhàng, hứng thú. Xuất phát từ những lý do này mà hai phương pháp này được sử dụng thường xuyên hơn so với các phương pháp khác.

Trong khi đó, phương pháp “theo dự án” là được sử dụng, ít nhất, chủ yếu ở mức “thỉnh thoảng”. Đây là phương pháp cho phép học sinh phát huy cao tính tích cực, chủ động của mình và có nhiều cơ hội trải nghiệm; tuy nhiên, nó đòi hỏi nhiều thời gian, cơ sở vật chất nhất định để tổ chức một cách khoa học và chuyên nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, các giáo viên cần sử dụng phối hợp các phương pháp, trong đó cần tăng cường các phương pháp tạo điều kiện cho HS có cơ hội trải nghiệm với thực tiễn nhiều hơn như phương pháp dự án, giải quyết vấn đề.

#### **2.4. Thực trạng hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học cơ sở**

Hoạt động trải nghiệm của HS nói chung và HS THCS nói riêng rất đa dạng và phong phú. Nó tồn tại dưới nhiều hình thức tổ chức khác nhau: Hoạt động khám phá hình thành tri thức, kỹ năng mới; hoạt động nghiên cứu khoa học; hoạt động gắn với rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống hàng ngày của HS. Thông qua các hoạt động đó, GV, nhà trường hình thành tri thức kỹ năng mới cho HS hoặc củng cố, phát triển kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được ở người học, từ đó giúp các em phát triển năng lực hành động.

Hình thức tổ chức hoạt động đa dạng, phong phú, mềm dẻo, có tính mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng... sẽ giúp HS sẽ có nhiều cơ hội trải nghiệm hơn. Hình thức tổ chức sử dụng phù hợp, linh hoạt sẽ làm cho nội dung hoạt động trải nghiệm được khắc sâu, rèn luyện và vận dụng hiệu quả. Kết quả khảo sát mức độ sử dụng các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về mức độ sử dụng các hình thức để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS THCS

STT	Hình thức	CBQL, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Câu lạc bộ	1.98	0.70
2	Trò chơi	2.99	0.51
3	Diễn đàn	1.95	0.75
4	Sân khấu tương tác	2.72	1.10
5	Tham quan, dã ngoại	2.47	0.75
6	Hội thi/cuộc thi	2.68	0.70
7	Tổ chức sự kiện: Lễ khai mạc; Hội diễn nghệ thuật; Triển lãm nghệ thuật....	2.75	0.81
8	Giao lưu	2.29	0.93
9	Hoạt động chiến dịch	1.98	0.74
10	Hoạt động nhân đạo	2.28	0.81
11	Hoạt động tình nguyện	2.41	0.90
12	Lao động công ích	2.98	0.82
13	Sinh hoạt tập thể	3.43	0.60
14	Hoạt động nghiên cứu khoa học	2.29	0.92
15	Hoạt động chăm sóc, bảo vệ môi trường	3.32	0.59
16	Các hoạt động giáo dục hướng nghiệp	2.65	0.93

*Ghi chú:* ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn

*Thang đánh giá:* 1. Không bao giờ; 2. Thỉnh thoảng; 3. Khá thường xuyên; 4. Rất thường xuyên.

Kết quả khảo sát cho thấy, theo đánh giá của CBQL, GV THCS thì tất cả các hình thức giáo dục hoạt động trải nghiệm ở Bảng 5 đều được tổ chức thực hiện, tuy nhiên chủ yếu ở mức “thỉnh thoảng” và tiệm cận “khá thường xuyên”. Trong các hình thức tổ chức, hình thức “*Sinh hoạt tập thể*” và “*Hoạt động chăm sóc, bảo vệ môi trường*” được đánh giá sử dụng trên mức “khá thường xuyên”. Đây là những hình thức gắn liền với các hoạt động thường nhật của các nhà trường nên được tổ chức nhiều.

Những hình thức hoạt động tổ chức ít là “*diễn đàn*”, “*câu lạc bộ*”, “*hoạt động chiến dịch*”. Những hình thức này đòi hỏi GV phải dành nhiều tâm sức cũng như có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Trong thực tế, việc thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục chiếm khá nhiều thời gian, vì thế, GV khó có thể tổ chức các hình thức này một cách thường xuyên.

Để nâng cao hiệu quả việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh, các nhà trường cần sử dụng đa dạng các hình thức hơn, tăng cường các hình thức đặc trưng của hoạt động trải nghiệm như câu lạc bộ, tham quan/dã ngoại, giao lưu, chiến dịch...

### 3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh các trường THCS thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cho thấy CBQL, GV và HS nhận



thức tương đối đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động này. Các nhà trường đã chú trọng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như: Các nội dung chưa được chú trọng đồng đều; phương pháp tổ chức chưa thật sự phong phú, chủ yếu là phương pháp trò chơi, làm việc nhóm. Hình thức tổ chức còn khá đơn điệu, chủ yếu vẫn là hình thức sinh hoạt tập thể” và chăm sóc, bảo vệ môi trường. Nhiều phương pháp và hình thức đặc trưng cho hoạt động trải nghiệm chưa được sử dụng nhiều. Đề nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS các trường THCS thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cần lưu ý những vấn đề sau:

1. Nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục và HS về tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm của học sinh THCS trong nhà trường.
2. Tập huấn, bồi dưỡng năng lực và kỹ năng lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ CBQL, GV.
3. Tổ chức thao giảng các giờ hoạt động trải nghiệm để GV học hỏi lẫn nhau, nâng cao chất lượng các giờ hoạt động trải nghiệm của HS.
4. CBQL quan tâm và tạo điều kiện cơ sở vật chất, các chế độ ưu tiên khuyến khích cho những giáo viên tổ chức tốt và những HS tham gia tốt.
5. Phối hợp tốt các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để công tác tổ chức hoạt động trải nghiệm của HS đạt hiệu quả, thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách người học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Kỹ yếu hội thảo Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh phổ thông và mô hình trường phổ thông gắn với sản xuất, kinh doanh tại địa phương*, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Tài liệu tập huấn Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động TNST trong trường học*, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Chương trình hoạt động trải nghiệm (Dự thảo)*. Hà Nội.
- [4] Bùi Ngọc Diệp (2000). *Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, Hà Nội.
- [5] Đảng bộ Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2015). *Văn kiện đại biểu Đảng bộ thành phố Vũng Tàu lần thứ VI (nhiệm kỳ 2015-2010)*.
- [6] Nguyễn Thị Liên (chủ biên) Nguyễn Thị Hằng, Tường Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh (2017). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Đỗ Ngọc Thống (2015). *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - kinh nghiệm quốc tế và vấn đề của Việt Nam*, Hà Nội.

**Title:** THE STATUS OF THE ORGANIZATION OF EXPERIENTIAL ACTIVITIES FOR THE SECONDARY SCHOOLS STUDENTS IN VUNG TAU CITY, BA RIA-VUNG TAU PROVINCE

**Abstract:** The purpose of this study was to examine the status of the organization of experiential activities for the secondary schools students in Vung Tau City, Ba Ria-Vung Tau Province. The number of participants was 52 managers, 146 teachers and 280 students at 8 secondary schools. Survey results showed that managers, teachers and students were aware of the importance of these activities. Schools focused on organizing experiential activities for students. However, there were still certain limitations such as: School did not focus equally on the contents of these experiential activities; Methods and forms of organization these activities were not really rich. Based on the results of the current study, some suggestions were also proposed to effectively improve experiential activities.

**Keywords:** experiential activities, students, secondary schools, Vung Tau city.